

Số: 665/QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học sửa đổi, bổ sung
khóa học: K13 (2023-2027)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hải Dương;

Theo đề nghị của Trưởng các khoa chuyên môn và Thường trực Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học sửa đổi, bổ sung khóa học: K13 (2023-2027), gồm:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	7140209	Sư phạm Toán học
2	7140217	Sư phạm Ngữ văn
3	7140231	Sư phạm Tiếng Anh
4	7140201	Giáo dục Mầm non (ĐH)
5	7140202	Giáo dục Tiểu học
6	7140218	Sư phạm Lịch sử
7	7140206	Giáo dục Thể chất

Số 663/QĐ-DHĐ

Hải Dương, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của các bộ môn
khóa học K13 (2023-2027)

BIỂU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 20/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hội nhập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/08/2016 Quốc hội phê duyệt chương trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 23/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của các nhà trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 18/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-LĐLĐ ngày 25/02/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hải Dương;

Theo đề nghị của Trường các khoa chuyên môn và Trường trực tiếp đồng kiến học và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo các bộ môn chuyên môn của trình độ đại học của khóa học K13 (2023-2027), gồm:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	7140209	Su phạm Toán học
2	7140217	Su phạm Ngữ văn
3	7140231	Su phạm Tiếng Anh
4	7140201	Giáo dục Mầm non (GDH)
5	7140202	Giáo dục Tiểu học
6	7140218	Su phạm Lịch sử
7	7140206	Giáo dục Thể chất

(có Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế, Trưởng các khoa chuyên môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- HĐT (để b/c);
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT-HTQT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Văn Quyên





CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 665/QĐ-ĐHHD ngày 05 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm Lịch sử
Tên chương trình (Tiếng Anh):	History Teacher Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140218
Hệ đào tạo:	Chính quy

1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Lịch sử có mục tiêu đào tạo được một đội ngũ giáo viên Lịch sử tại các trường trung học, chuyên viên phụ trách chuyên môn Lịch sử tại các cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu Lịch sử tại các cơ quan văn hóa thuộc tỉnh Hải Dương và trong cả nước.

Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có sức khỏe tốt; có năng lực nghề nghiệp vững vàng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết những yêu cầu của lý luận và thực tiễn; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, phát triển chuyên môn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về khoa học Lịch sử và các kiến thức liên ngành khoa học xã hội và nhân văn.

PO2: Có kiến thức đầy đủ, hệ thống và hiện đại về khoa học giáo dục, phương pháp dạy học Lịch sử.

PO3: Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và khoa học giáo dục.

PO4: Sử dụng thành thạo các kỹ năng dạy học Lịch sử: lập kế hoạch dạy học Lịch sử, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học Lịch sử, kiểm tra đánh giá năng lực Lịch sử của học sinh.

PO5: Có năng lực phát triển chương trình Lịch sử, biên soạn tài liệu sách giáo khoa, tham khảo môn Lịch sử đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PO6: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề khoa học giáo dục và khoa học Lịch sử.

PO7: Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại và ngoại ngữ trong dạy học Lịch sử.

PO8: Có một số năng lực khác như năng lực giao tiếp; năng lực tự học suốt đời; năng lực quản lý thời gian và tổ chức cuộc sống, thích ứng với những biến động của cuộc sống và xã hội; năng lực làm việc theo nhóm, hợp tác, chia sẻ.

PO9: Tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có ích cho cộng đồng.

PO10: Rèn luyện đạo đức, tác phong người giáo viên; yêu nghề, say mê nghiên cứu và có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Việt.

PO11: Truyền tải và gìn giữ các giá trị của văn hóa truyền thống của Việt Nam và địa phương, phát huy các giá trị phù hợp với thời đại hội nhập, xây dựng các phẩm chất năng động, hội nhập của công dân toàn cầu.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lí luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và cuộc sống.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lí học, giáo dục học, quản lí nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên môn toàn diện vào dạy học Lịch sử và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

PLO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản về Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, phương pháp dạy học Lịch sử để phát triển kiến thức mới, để có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

PLO5: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Lịch sử; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lí tốt các tình huống dạy học, giáo dục.

PLO6: Đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực người học, nhu cầu phát triển năng lực người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kĩ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp.

2.2. Về kĩ năng

PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin để tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

PLO9: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

PLO10: Vận dụng được các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học Lịch sử cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

PLO11: Vận dụng hiệu quả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn Lịch sử ở trường phổ thông.

PLO12: Vận dụng sáng tạo tri thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

PLO13: Sử dụng linh hoạt kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp sư phạm trong dạy học Lịch sử và trong cuộc sống.

2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn; đánh giá được bối cảnh của sự thay đổi và năng lực của bản thân để lập kế hoạch tự bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

PLO16: Có tư duy phản biện xã hội, tuyên truyền, lan tỏa những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương, đáp ứng được:

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên cho đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể là học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khoá: 127 tín chỉ (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 24 tín chỉ
- + Lí luận chính trị: 11 tín chỉ
- + Ngoại ngữ: 7 tín chỉ
- + Khoa học Tự nhiên: 2 tín chỉ
- + Khoa học Xã hội và Nhân văn: 4 tín chỉ
- (Giáo dục thể chất: 4 tín chỉ; Giáo dục Quốc phòng - An ninh: 165 tiết)
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 103 tín chỉ
- + Cơ sở ngành: 26 tín chỉ
- + Chuyên ngành: 58 tín chỉ
- + Nghiệp vụ (thực hành, thực tập nghề nghiệp): 12 tín chỉ
- + Đồ án/Khoá luận tốt nghiệp/Học phân thay thế: 7 tín chỉ

5. CHIẾN LƯỢC DẠY HỌC

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học: Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, thấm nhuần giá trị văn hóa dân tộc và trách nhiệm xã hội; Phát huy tối đa tiềm năng, hình thành tư duy mở, khả năng thích ứng nhanh chóng trước sự thay đổi; Hình thành khả năng học tập và làm việc trong môi trường đa văn hóa, khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học. Các chiến lược dạy - học được ưu tiên sử dụng là:

(1) Dạy học phân hóa (Differentiated Instruction): Nội dung giảng dạy và hoạt động dạy học khác nhau được tổ chức, điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm cá nhân của người học, giúp mọi người học có thể học tập hiệu quả bất kể sự khác biệt về khả năng của họ. Đánh giá quá trình được tăng cường sử dụng để đảm bảo các trải nghiệm học tập, kịp thời điều chỉnh theo đặc điểm cá nhân người học.

(2) Học tập tích cực (Active Learning): Người học tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập. Bằng cách sử dụng các chiến lược học tập tích cực (như: làm việc nhóm nhỏ, đóng vai, nghiên cứu trường hợp điển hình,...), người học tăng thêm hứng thú và động lực học tập, phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng xã hội,...

(3) Học tập theo câu hỏi (Inquiry-Based Learning): Người học đặt câu hỏi một cách tự nhiên hoặc được yêu cầu đặt câu hỏi về một chủ đề cụ thể. Người học tự mình nghiên cứu hay tham gia vào các hoạt động với sự cộng tác để theo đuổi và tìm câu trả lời, qua đó phát triển kiến thức hoặc giải pháp, rèn luyện kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề.

(4) Học tập kết hợp (Blended Learning): Người học thực hiện một phần quá trình học tập của mình trong môi trường kỹ thuật số độc lập và một phần trong môi trường lớp học trực tiếp: Người học được tạo cơ hội học tập theo thời gian cá nhân và có các tương tác trực tiếp để củng cố những gì họ đã học được.

(5) Lớp học đảo ngược (flipped classroom): Người học được cung cấp tài liệu học tập và hướng dẫn học tập, chủ động tìm hiểu các nội dung học tập và thực hiện các nhiệm vụ trước khi lên lớp theo yêu cầu và dưới sự hỗ trợ của người dạy.

(6) Học tập hợp tác: Tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm để người học hoàn thành nhiệm vụ chung hướng tới mục tiêu học tập. Người học có thể tận dụng các nguồn lực và kỹ năng của nhau, phát triển các kỹ năng hợp tác, giao tiếp xã hội.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

6.1.1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo được tổ chức theo khoá học, năm học và học kì.

b) Thời gian học tập chuẩn cho một khóa đào tạo là 4 năm. Thời gian tối đa để hoàn thành khóa học là 8 năm.

c) Một năm học có hai học kì chính và có thể có một học kì phụ.

Học kì chính có 15 tuần thực học, 01 tuần đệm và 02 tuần thi.

Học kì phụ có 05 tuần thực học và 01 tuần thi, được tổ chức cho sinh viên học lại, học vượt hoặc học thêm các học phần ngoài chương trình đào tạo. Sinh viên đăng kí tham gia học kì phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc. Việc tổ chức học kì phụ được căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm học.

Ngoài ra, còn một số tuần dành cho các hoạt động khác như học Giáo dục quốc phòng và an ninh, kiến tập, thực tập, nghỉ hè, nghỉ tết.

6.1.2. Phương thức tổ chức đào tạo

a) Hoạt động đào tạo được tổ chức theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường.

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỉ luật ở mức đình chỉ học tập.

7. CÁCH ĐÁNH GIÁ

7.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lí giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo;
- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

7.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường.

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được quy định như sau:

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A+	9.5 – 10	4.0
A	8.5 – 9.4	4.0
B+	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0
C+	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0
D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

Điểm đánh giá học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Hải Dương tại Quyết định số 471/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023 của Hiệu trưởng.

Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần (là các điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần). Số bài đánh giá thường xuyên tương ứng với số tín chỉ của mỗi học phần:

Số tín chỉ	Số bài đánh giá thường xuyên
Từ 1 đến 2 tín chỉ	1 bài
Từ 3 đến 5 tín chỉ	2 bài
Từ 6 tín chỉ trở lên	3 bài

Trung bình điểm đánh giá thường xuyên chiếm 40%.

Điểm thi kết thúc học phần chiếm 60%.

Các điểm đánh giá thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần tính theo thang điểm 10, làm tròn số đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Trung bình điểm đánh giá thường xuyên	40%
2. Điểm thi kết thúc học phần	60%
3. Công thức tính điểm học phần Điểm học phần = (Trung bình điểm đánh giá thường xuyên x 4 + Điểm thi kết thúc học phần x 6)/10	

8. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
				Lên lớp		Tự học, tự nghiên cứu	
				Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành		
1. Kiến thức giáo dục đại cương <i>(Không tính các môn GDTC, GDQP và AN)</i>			24				
<i>Lí luận chính trị</i>			11				
1	POL001	Triết học Mác-Lênin	3	36	9	105	
2	POL002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	20	10	70	
3	POL003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	70	
4	POL004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	70	
5	POL005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10	70	
<i>Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh</i>							
6	PE006	Giáo dục thể chất 1	2	6	24	70	
7	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	24	70	
8	ME008- ME011	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	165t	77	88		
8.1	ME008	GDQP-AN1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng		37	8		

		Cộng sản Việt Nam					
8.2	ME009	GDQP-AN2: Công tác quốc phòng và an ninh		22	8		
8.3	ME010	GDQP-AN3: Quân sự chung		14	16		
8.4	ME011	GDQP-AN4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		4	56		
Ngoại ngữ			7				
9	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	15	105	
10	EN013	Tiếng Anh 2	4	40	20	140	
Khoa học Tự nhiên			2				
11	IT014	Tin học đại cương	2	15	15	70	
Khoa học Xã hội - Nhân văn			4				
12	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	9	70	
13	MAN016	Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT	2	21	9	70	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			103				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			26				
Các học phần bắt buộc			24				
14	PSE117	Tâm lý học	3	35	10	105	
15	PSE118	Giáo dục học	3	35	10	105	
16	HIS119	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	2	24	6	70	
17	HIS120	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	2	24	6	70	
18	HIS121	Cơ sở khảo cổ học	2	24	6	70	
19	CUL122	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	24	6	70	
20	HIS123	Lịch sử văn minh thế giới	2	24	6	70	
21	GEO124	Địa lý tự nhiên các châu lục	2	24	6	70	
22	GEO125	Địa lý tự nhiên Việt Nam	2	24	6	70	
23	LIN126	Tiếng Việt thực hành	2	18	12	70	

24	ENV127	Giáo dục môi trường	2	24	6	70	
Các học phần tự chọn			2				
25.1	AES328.1	Mĩ học đại cương	2	15	15	70	
25.2	PSE328.2	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	70	
2.2. Kiến thức ngành			58				
Các học phần bắt buộc			52				
26	HIS229	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	4	48	12	140	
27	HIS230	Lịch sử thế giới cận đại	4	48	12	140	
28	HIS231	Lịch sử thế giới hiện đại	4	48	12	140	
29	HIS232	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	4	48	12	140	
30	HIS233	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	48	12	140	
31	HIS234	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	48	12	140	
32	HIS235	Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	2	24	6	70	
33	HIS236	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)	3	36	9	105	
34	HIS237	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	3	36	9	105	
35	HIS238	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á cổ - trung đại	2	24	6	70	
36	HIS239	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	24	6	70	
37	HIS240	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	36	9	105	
38	HIS241	Thực tế Lịch sử Việt Nam	2		30	70	
39	HIS242	Lí luận dạy học Lịch sử	2	24	6	70	
40	HIS243	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	2	24	6	70	
41	TMT244	Hệ thống phương pháp dạy	4	36	24	140	

		học Lịch sử ở trường trung học					
42	TMT245	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	3	27	18	105	
Các học phần tự chọn			6				
<i>Tự chọn 1: Chọn 01 trong 02 học phần</i>			2				
43.1	HIS346.1	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	2	24	6	70	
43.2	HIS346.2	Làng xã Việt Nam	2	24	6	70	
<i>Tự chọn 2: Chọn 01 trong 02 học phần</i>			2				
44.1	HIS347.1	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945)	2	24	6	70	
44.2	HIS347.2	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	2	24	6	70	
<i>Tự chọn 3: Chọn 01 trong 02 học phần</i>			2				
45.1	HIS348.1	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	2	24	6	70	
45.2	HIS348.2	Một số tôn giáo lớn trên thế giới	2	24	6	70	
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm			12				
46	TMT249	Nghệp vụ sư phạm 1	2	18	12	70	
47	TMT250	Nghệp vụ sư phạm 2	2	18	12	70	
48	TMT251	Thực tập sư phạm 1	2		100		
49	TMT252	Thực tập sư phạm 2	6		300		
2.4. Khóa luận tốt nghiệp / học phần thay thế			7				
Khóa luận tốt nghiệp			7				
50A		Khóa luận tốt nghiệp	7				
Học phần thay thế			7				

50B.1	TMT453B. 1	Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	3	36	9	105	
50B.2	TMT453B. 2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học	2	18	12	70	
50B.3	TMT453B. 3	Bài học Lịch sử ở trường trung học	2	24	6	70	
Tổng cộng			127				

8.2. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử trình độ đại học thực hiện trong 04 năm với 08 học kì, trong đó học kì 1 với 15 tín chỉ, học kì 2 là 17 tín chỉ, học kì 3 với 18 tín chỉ, học kì 4 là 18 tín chỉ, học kì 5 với 16 tín chỉ, học kì 6 là 16 tín chỉ, học kì 7 với 14 tín chỉ, học kì 8 là 13 tín chỉ. Cụ thể như sau:

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết	
					Lên lớp		Tự học, Tự nghiên cứu		
					Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành			
Kì I				15	167	58	525		
1	POL001	Triết học Mác-Lênin		3	36	9	105		
2	PE006	Giáo dục thể chất 1		2	6	24	70		
3	EN012	Tiếng Anh 1		3	30	15	105		
4	PSE117	Tâm lí học		3	35	10	105		
5	HIS119	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học		2	24	6	70		
6	HIS123	Lịch sử văn minh thế giới		2	24	6	70		
7	LIN126	Tiếng Việt thực hành		2	18	12	70		
Kì II				17	190	65	595		
1	POL002	Kinh tế chính trị Mác –		2	20	10	70	Triết học	

		Lênin					Mác - Lênin
2	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	24	70	Giáo dục thể chất 1
3	IT014	Tin học đại cương	2	15	15	70	Không
4	PSE118	Giáo dục học	3	35	10	105	
5	ENV127	Giáo dục môi trường	2	24	6	70	
6	GEO125	Địa lí tự nhiên Việt Nam	2	24	6	70	
7	HIS121	Cơ sở khảo cổ học	2	24	6	70	
8	HIS232	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	4	48	12	140	
Kì III			18	180	90	630	
1	POL003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	70	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
2	EN013	Tiếng Anh 2	4	40	20	140	Tiếng Anh 1
3	CUL122	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	24	6	70	
4	GEO124	Địa lí tự nhiên các châu lục	2	24	6	70	
5	HIS229	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	4	48	12	140	
6	HIS235	Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	2	24	6	70	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại
7	HIS241	Thực tế Lịch sử Việt Nam	2		30	70	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại
Kì IV			18	200	70	630	
Bắt buộc			16	185	55	560	
1	POL004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	70	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	9	70	
3	ME008-ME011	Giáo dục quốc phòng	165t	77	88		
3.1	ME008	GDQP-AN1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		37	8		
3.2	ME009	GDQP-AN2: Công tác		22	8		

		quốc phòng và an ninh					
3.3	ME010	GDQP-AN3: Quân sự chung		14	16		
3.4	ME011	GDQP-AN4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		4	56		
4	HIS230	Lịch sử thế giới cận đại	4	48	12	140	Lịch sử thế giới cổ - trung đại
5	HIS233	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	48	12	140	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại
6	HIS242	Lí luận dạy học Lịch sử	2	24	6	70	
7	TMT243	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	2	24	6	70	
Tự chọn			2	15	15	70	
8.1	AES327	Mĩ học đại cương	2	15	15	70	
8.2	PSE328	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	70	Tâm lí học, Giáo dục học
Kì V			16	170	70	560	
Bắt buộc			14	146	64	490	
1	POL005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10	70	Tư tưởng Hồ Chí Minh
2	HIS234	Lịch sử Việt Nam hiện đại	4	48	12	140	Lịch sử Việt Nam cận đại
3	HIS238	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á cổ - trung đại	2	24	6	70	Lịch sử thế giới cổ - trung đại
4	HIS244	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học	4	36	24	140	
5	TMT249	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	18	12	70	Tâm lí học, Giáo dục học
Tự chọn			2	24	6	70	
6.1	HIS346.1	Chế độ ruộng đất trong	2	24	6	70	Lịch sử

		lịch sử cổ - trung đại Việt Nam					Việt Nam cổ - trung đại
6.2	HIS346.2	Làng xã Việt Nam	2	24	6	70	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại
Kì VI			16	159	151	490	
Bắt buộc			14	135	145	420	
1	HIS231	Lịch sử thế giới hiện đại	4	48	12	140	Lịch sử thế giới cận đại
2	HIS237	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	3	36	9	105	
3	HIS120	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	2	24	6	70	
4	TMT245	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	3	27	18	105	
5	TMT251	Thực tập sư phạm 1	2		100		Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học, Các hình thức dạy học Lịch sử ở trường trung học
Tự chọn			2	24	6	70	
6.1	HIS345.1	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945)	2	24	6	70	Lịch sử Việt Nam cận đại
6.2	HIS345.2	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	2	24	6	70	Lịch sử Việt Nam cận đại
Kì VII			14	162	48	490	
Bắt buộc			12	138	42	420	
1	MAN016	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	24	6	70	
2	HIS240	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	36	9	105	Lịch sử thế giới

							cổ - trung đại, Lịch sử thế giới cận đại, Lịch sử thế giới hiện đại
3	HIS239	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	24	6	70	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại, Lịch sử Việt Nam cận đại, Lịch sử Việt Nam hiện đại
4	HIS236	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)	3	36	9	105	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại, Lịch sử Việt Nam cận đại, Lịch sử Việt Nam hiện đại
5	TMT250	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	18	12	70	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học, Các hình thức dạy học Lịch sử ở trường trung học
Tự chọn			2	24	6	70	
6.1	HIS346.1	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	2	24	6	70	Lịch sử thế giới cổ - trung đại, Lịch sử thế giới cận đại, Lịch sử thế giới hiện đại
6.2	HIS346.2	Một số tôn giáo lớn trên thế giới	2	24	6	70	Lịch sử thế giới cổ - trung đại, Lịch sử thế giới cận đại, Lịch sử thế giới hiện đại
Kì VIII			13	78	327	245	
1	TMT251	Thực tập sư phạm 2	6		300		Hệ thống phương

							pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học, Các hình thức dạy học Lịch sử ở trường trung học
2.1		Khóa luận tốt nghiệp	7				
2.2		Thay thế khóa luận tốt nghiệp	7				
2.2.1	TMT453B.1	Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	3	36	9	105	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học, Các hình thức dạy học Lịch sử ở trường trung học
2.2.2	TMT453B.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học	2	18	12	70	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học, Các hình thức dạy học Lịch sử ở trường trung học
2.2.3	TMT453B.3	Bài học Lịch sử ở trường trung học	2	24	6	70	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học, Các hình thức dạy học Lịch sử ở trường trung học

8.3. Mô tả học phần

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kĩ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kì quá độ. Học phần bao gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối

tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 (2 tín chỉ)

Giáo dục thể chất 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình giáo dục thể chất của tất cả chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn thể dục, phương pháp tập luyện. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn khác.

7. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (2 tín chỉ)

(Tự chọn 01 trong 07 học phần: Đá cầu, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Võ thuật Vovinam, Aerobic, Cầu lông)

Đá cầu

Học phần Đá cầu cung cấp các kiến thức cơ bản về môn Đá cầu. Đây là kiến thức nền tảng để giúp sinh viên tiếp thu các học phần giáp ranh và chuyên ngành thể dục thể thao; có sân chơi hoạt động đầy ý nghĩa, tạo sự kết tinh thần tập thể cao; có lối sống lành mạnh rời xa các tệ nạn xã hội.

Bóng chuyền

Học phần Bóng chuyên trang bị kiến thức về kĩ thuật, chiến thuật, kĩ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyên. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.

Bóng đá

Học phần Bóng đá cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn Bóng đá, những nguyên lí thực hiện kĩ thuật, luật Bóng đá. Học phần cũng trang bị các kĩ thuật động tác cơ bản, tổ chức hướng dẫn luyện tập môn Bóng đá.

Bóng rổ

Bóng rổ là môn thể thao tự chọn trong chương trình đào tạo giáo dục thể chất không chuyên có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng rổ và kĩ thuật cơ bản về di chuyển, chuyền và bắt bóng, dẫn bóng, tại chỗ ném rổ và hai bước lên rổ, một số điều luật phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng rổ.

Võ thuật Vovinam

Võ thuật Vovinam là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và đặc điểm của môn võ Vovinam; trang bị kiến thức về kĩ thuật, chiến thuật, luật thi đấu thực hành môn Võ thuật Vovinam. Ngoài ra còn có thể lấy học phần làm các bài tập bổ trợ cho các môn thể thao khác.

Aerobic

Học phần Aerobic là học phần tự chọn thuộc chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên đại học thuộc tất cả các chuyên ngành đào tạo. Nội dung học phần bao gồm: lí thuyết Aerobic, kĩ thuật cơ bản Aerobic, bài Aerobic. Học phần giúp sinh viên phát triển thể chất; giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể; rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các học phần khác.

Cầu lông

Cầu lông là học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kĩ năng cơ bản, giảng dạy các kĩ thuật, chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông. Ngoài ra, học phần còn thông qua quá trình tập luyện để rèn luyện ý thức tổ chức kỉ luật, tính tự giác tích cực; phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp động tác, tăng cường sức khỏe, tính linh hoạt bổ trợ cho công việc học tập và giúp sinh viên có thể tự tin tham gia các hoạt động khi nhà trường tổ chức giải thi đấu môn Cầu lông cho sinh viên.

8.1. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (45 tiết)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lí luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.

8.2. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2: Công tác quốc phòng và an ninh (30 tiết)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kĩ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

8.3. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3: Quân sự chung (30 tiết)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kĩ năng chiến thuật, kĩ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kĩ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lí các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

8.4. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 4: Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (60 tiết)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

9. TIẾNG ANH 1 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động

từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

10. TIẾNG ANH 2 (4 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

11. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

12. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật

Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam. Chương 6 là pháp luật về phòng chống tham nhũng.

13. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NN VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GDĐT (2 tín chỉ)

Học phần Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước (tính chất, nội dung, phương pháp, luật,...); quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo). Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, trong việc giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

14. TÂM LÝ HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về tâm lý: Bản chất, quá trình nảy sinh, quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý; mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý, chức năng vai trò của tâm lý đối với hoạt động của con người; giúp sinh viên hiểu bản chất và quy luật của sự phát triển con người trong quá trình phát triển cá thể, từ đó vận dụng vào công tác tham vấn, giáo dục học sinh ở phổ thông. Học phần còn trang bị cho người học những tri thức tâm lý về sự phát triển tâm lý, quy luật phát triển tâm lý ở con người và các đặc điểm tâm lý điển hình, đặc trưng ở các giai đoạn lứa tuổi nhằm mục đích mô tả một cách khái quát nhất chân dung tâm lý của con người ở từng giai đoạn lứa tuổi cũng như ứng dụng những tri thức đó để quá trình giáo dục, dạy học được tổ chức phù hợp với tâm lý lứa tuổi.

15. GIÁO DỤC HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội; chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Sinh viên hiểu được bản chất của quá trình dạy học. Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng các nguyên tắc dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học trong tổ chức quá trình dạy học. Học phần cung cấp cho người học hiểu biết bản chất của quá trình giáo dục nghĩa hẹp, động lực căn bản trong phát triển toàn diện nhân cách con người. Trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp giáo dục, sinh viên có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm. Từ đó góp phần hình thành phẩm chất yêu trẻ yêu nghề, thể giới quan khoa học, năng lực sư phạm như tổng hợp, phân tích tài liệu, thuyết trình, năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học...

16. NHẬP MÔN SỬ HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC (2 tín chỉ)

Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử. Học phần đề cập trọng tâm tới các vấn đề:

những nội dung cơ bản của khái niệm lịch sử, sử học và khoa học lịch sử, xác định rõ đối tượng nghiên cứu chức năng nhiệm vụ và vai trò của sử học. Nhập môn sử học trang bị những kiến thức cơ bản về các ngành (phân môn) của khoa học lịch sử và mối liên hệ giữa khoa học lịch sử và các khoa học khác. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc phân kì lịch sử, quan điểm và sự phát triển của lịch sử. Đây là học phần tiên quyết, cơ sở cho các học phần nghiệp vụ của cử nhân sư phạm Lịch sử.

17. CÁC DÂN TỘC VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử; cung cấp cho người học những kiến thức về nguồn gốc lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc ít người ở Việt: nhóm văn hóa các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á, văn hóa các dân tộc thuộc ngữ hệ Thái, văn hóa các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Đảo, văn hóa các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Đảo. Qua đó, người học sẽ có được một cách nhìn khái quát chung nhất về bức tranh chung của lịch sử văn hóa dân tộc Việt Nam.

18. CƠ SỞ KHẢO CỔ HỌC (2 tín chỉ)

Đây là học phần cơ sở của ngành Lịch sử cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc và sự tiến hóa văn hóa nhân loại qua các thời đại từ đá cũ đến giai đoạn hình thành nhà nước. Đặc thù của khoa học khảo cổ là phục dựng lại đời sống của con người trong quá khứ thông qua việc nghiên cứu sử liệu vật thật trong bối cảnh tự nhiên và văn hóa. Từ những nghiên cứu này, Lịch sử nhân loại được trình bày trước hết qua cách thức tiếp cận từ những di tích, di vật thực “mắt thấy, tai nghe” sẽ giúp sinh viên hình dung rõ hơn về cuộc sống của dân tộc và nhân loại từ khởi đầu cho tới thời cận đại. Học phần chú trọng tới việc cập nhật tri thức và những diễn giải mới về nguồn gốc và sự tiến hóa nhân loại nhằm làm nổi bật luận điểm về tính thống nhất và sự phát triển đa dạng của văn hóa người cũng như nhấn mạnh vai trò của các di sản vật thể và phi vật thể trong đời sống nhân loại hiện nay. Bên cạnh việc cung cấp tri thức cụ thể về giai đoạn văn hóa, từng nền văn hóa, từng di tích, di vật, học phần còn giúp sinh viên làm quen với một ngành khoa học, những phương pháp và cách thức tiếp cận, nghiên cứu vấn đề, kể cả những phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại và mối quan hệ của khoa học khảo cổ với các khoa học xã hội, nhân văn và kĩ thuật khác. Trong học phần này thông qua một số phần cụ thể, công việc của một nhà khảo cổ từ điền dã đến nghiên cứu hậu khai quật cũng sẽ được giới thiệu nhằm mục đích cho thấy đây là một ngành khoa học luôn cố gắng đạt tới kết quả khái quát và khách quan cao nhất trong diễn giải quá khứ.

19. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần này người học được trang bị các kiến thức cơ bản về các khái niệm liên quan tới văn hóa (Văn hóa học, Văn vật, Văn hiến, Cấu trúc và Thiết chế văn hóa), các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa và quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa. Đồng thời, hệ thống kiến thức diễn tiến lịch sử của nền văn hóa Việt Nam từ thời tiền sử cho đến ngày nay. Trên cơ sở đó, người học tìm hiểu rõ hơn về không gian văn hóa Việt Nam qua các vùng văn hóa đặc trưng.

20. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI (2 tín chỉ)

Lịch sử văn minh thế giới là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày một số nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà; (3) văn minh Trung Hoa; (4) văn minh Ấn Độ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam Á; (7) văn minh Hi Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỉ XX. Bên cạnh đó, góp phần giúp sinh viên rút ra được quy luật phát triển, suy vong của các đế chế, nền văn minh trong lịch sử. Trên cơ sở đó, sinh viên biết trân trọng những giá trị trường tồn của các di sản văn minh trong lịch sử nhân loại...

21. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN CÁC CHÂU LỤC (2 tín chỉ)

Là một học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử. Sau khi hoàn thành học phần này người học được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về đặc điểm các thành phần tự nhiên các châu lục và phân vùng tự nhiên. Điều này giúp người học hiểu được đặc điểm tự nhiên và xác định được những tiềm năng/cơ hội - hạn chế/thách thức về môi trường, tài nguyên thiên nhiên theo các mùa trong năm, theo từng vùng/miền của người dân các châu lục từ xưa đến nay trong sản xuất, sinh hoạt.

Học phần này có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản cho việc tiếp cận, nghiên cứu, giảng dạy môn Lịch sử bậc trung học cho sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông hiện nay.

22. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Là một học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử. Sau khi hoàn thành học phần này người học được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về đặc điểm các thành phần tự nhiên Việt Nam và phân vùng tự nhiên. Điều này giúp người học hiểu được đặc điểm tự nhiên và xác định được những tiềm năng/ cơ hội - hạn chế/thách thức về môi trường, tài nguyên thiên nhiên theo các mùa trong năm, theo từng vùng/miền của người dân Việt Nam từ xưa đến nay trong sản xuất, sinh hoạt.

Học phần này có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản cho việc tiếp cận, nghiên cứu, giảng dạy môn Lịch sử bậc trung học cho sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông hiện nay.

23. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về tiếng Việt (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản), những nguyên tắc sử dụng tiếng Việt, rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong khi nói và viết (kĩ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kĩ năng viết đoạn văn, kĩ năng viết câu trong văn bản, kĩ năng dùng từ, kĩ năng sử dụng chữ viết...).

24. GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học môi trường, về dân số; thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; những vấn đề về ô nhiễm môi trường và sự phát triển bền vững; phân tích được mối quan hệ dân số - tài nguyên - môi trường để từ đó nhận thức được những nội dung về bảo vệ môi trường, cơ sở khoa học của việc bảo vệ môi trường. Đồng thời, người học còn vận dụng kiến thức về giáo dục môi trường trong giảng dạy bộ môn ở nhà trường phổ thông và giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tiễn liên quan đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên để hướng tới sự phát triển bền vững.

25.1. MĨ HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần giúp người học hiểu rõ đối tượng nghiên cứu, ý nghĩa của Mĩ học; về mối quan hệ thẩm mĩ của con người đối với hiện thực; về các phạm trù của khách thể thẩm mĩ gồm cái Đẹp, cái Cao cả, cái Bi và cái Hài; về ý thức thẩm mĩ với các bộ phận hợp thành chủ yếu của nó gồm nhu cầu, cảm xúc, thị hiếu và lí tưởng thẩm mĩ; nghệ thuật - hình thái cao nhất, biểu hiện tập trung nhất của mối quan hệ thẩm mĩ; giáo dục thẩm mĩ và các hình thức cơ bản của giáo dục thẩm mĩ.

25.2. GIAO TIẾP SƯ PHẠM (2 tín chỉ)

Học phần Giao tiếp sư phạm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kĩ năng giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học. Từ đó hình thành ở người học những kĩ năng, thái độ tương ứng để xử lí có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp.

26. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ - TRUNG ĐẠI (4 tín chỉ)

Lịch sử Thế giới cổ trung đại là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về Lịch sử Thế giới cổ trung đại từ thời kì xã hội nguyên thủy cho đến khi kết thúc xã hội phong kiến, thông qua việc trình bày các quốc gia, khu vực tiêu biểu, theo trình tự thời

gian bao gồm: (1) Xã hội nguyên thủy; (2) Ai Cập cổ đại; (3) Lưỡng Hà cổ đại; (4) Ấn Độ cổ đại; (5) Trung Quốc cổ đại; (6) Hi Lạp cổ đại; (7) La Mã cổ đại; (8) Trung Quốc trung đại; (9) Ấn Độ trung đại; (10) Nhật Bản trung đại; (11) Tây Âu sơ kì trung đại; (12) Tây Âu trung kì trung đại; (13) Tây Âu mạt kì trung đại... Bên cạnh đó, sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể tự rút ra được các quy luật vận động, phát triển của lịch sử nhân loại, của các nền văn minh.

27. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI (4 tín chỉ)

Lịch sử thế giới cận đại là học phần bắt buộc, tiếp nối của học phần Lịch sử thế giới cổ trung đại, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình phát triển của lịch sử thế giới cận đại (từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX) ở cả phương Đông và phương Tây. Trong đó, nội dung trọng tâm tập trung vào: Các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại; Cách mạng công nghiệp, sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX; Quan hệ quốc tế thời cận đại; Quá trình xâm lược, chính sách cai trị và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước Á, Phi, Mĩ Latinh. Trên cơ sở kiến thức trên, sinh viên có thể vận dụng đánh giá vai trò, tác động của các sự kiện trên đến tiến trình phát triển của lịch sử thế giới. Từ đó, lí giải và dự đoán được sự vận động và phát triển của lịch sử thời hiện đại.

28. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (4 tín chỉ)

Lịch sử thế giới hiện đại là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1917 đến những năm đầu thế kỉ XXI. Bao gồm: Các vấn đề về Cách mạng tháng Mười Nga và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu cho đến khi sụp đổ năm 1991; Quan hệ quốc tế và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản; Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến những năm đầu thế kỉ XXI; Cách mạng khoa học kĩ thuật thời hiện đại. Trên cơ sở các kiến thức trên, học sinh biết vận dụng để giải thích các sự kiện nổi bật trên cơ sở thế giới quan khoa học: nguyên nhân sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa, nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh, sự hình thành và sụp đổ của trật tự hai cực Ianta... Dự đoán xu thế vận động và phát triển của lịch sử thế hiện qua một số kịch bản: Chủ nghĩa xã hội; Chủ nghĩa tư bản; Sự thay đổi về tương quan lực lượng trong quan hệ quốc tế...

29. LỊCH SỬ VIỆT NAM CỔ - TRUNG ĐẠI (4 tín chỉ)

Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại từ khi con người bắt đầu xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam đến trước khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858) trên nhiều phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Trên cơ sở hiểu được những kiến thức cơ bản đó, sinh viên nhận diện và đánh giá được những nội dung nổi bật của lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại.

Học phần cung cấp nền tảng kiến thức để người học tiếp tục học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc như: Lịch sử Việt Nam cận đại, Vương quốc cổ Champa và Phù Nam, Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI), Lịch sử ngoại giao Việt Nam và các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn như: Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam, Làng xã Việt Nam, Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam.

30. LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN ĐẠI (4 tín chỉ)

Lịch sử Việt Nam cận đại là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, sâu rộng về lịch sử Việt Nam cận đại từ khi thực dân Pháp xâm lược (1858) đến Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời (1945) trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Trên cơ sở nắm được những kiến thức cơ bản đó, sinh viên nhận diện và đánh giá được những nội dung nổi bật của lịch sử Việt Nam cận đại (1858 - 1945).

31. LỊCH SỬ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (4 tín chỉ)

Là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử Việt Nam thời kì hiện đại giai đoạn từ 1945 đến nay. Nội dung cơ bản ở giai đoạn này là: Nước Việt Nam xây dựng và bảo vệ chế độ cộng hòa; Hoạt động ngoại giao nâng cao vị thế của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa; Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp; Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước (1954 - 1975); Cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thời kì trước và sau đổi mới... Các vấn đề trên sẽ được trình bày theo lịch đại (trình tự thời gian), đồng thời, ở mỗi thời kì, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học.

Học phần Lịch sử Việt Nam hiện đại giúp người học có cơ sở nền tảng để tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu những chuyên đề chuyên sâu của Lịch sử Việt Nam giai đoạn hiện đại.

32. VƯƠNG QUỐC CỔ CHĂM-PA VÀ PHÙ NAM (2 tín chỉ)

Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về vương quốc Chăm-pa, vương quốc Phù Nam trên các lĩnh vực: Lịch sử hình thành và phát triển; Đặc điểm chính trị, xã hội, kinh tế và thành tựu văn hóa. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn vị trí của hai vương quốc trong lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại. Từ đó, sinh viên hiểu được những giá trị lịch sử, văn hóa và quá trình mở rộng lãnh thổ của dân tộc Việt Nam.

33. BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ (TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XXI) (3 tín chỉ)

Biển đảo Việt Nam trong lịch sử là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về vị trí địa lí, tiềm năng, hệ thống các đảo và quần đảo của biển Đông; quá trình xác lập và thực thi các quyền hợp pháp trong các vùng biển, đảo của Việt Nam từ thế kỉ X đến nay; thực trạng chiếm đóng, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam; quan điểm của Nhà nước CHXHCN Việt Nam về vấn đề biển đảo. Việc khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam sẽ giúp cho sinh viên nhận thức đúng đắn về lãnh thổ, biên giới quốc gia. Đồng thời, qua đó khẳng định được ý thức bảo vệ chủ quyền, lòng yêu nước và quyết tâm bảo vệ biển đảo Việt Nam trong bối cảnh phức tạp như hiện nay.

34. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ (3 tín chỉ)

Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về các cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra trong lịch sử: Nguyên nhân dẫn đến các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận - hiện đại; Những thành tựu và hệ quả của các cuộc cách mạng công nghiệp này đối với tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Trên cơ sở đó giúp sinh viên biết trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử, nhận thức được những tác động hai mặt của các cuộc cách mạng công nghiệp và biết vận dụng những tác động hai mặt này để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên mạng xã hội, internet... Học phần Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần

bắt buộc của Lịch sử thế giới cận đại và hiện đại khi giúp người học hiểu sâu sắc về nguyên nhân dẫn đến sự hình thành các cuộc cách mạng.

35. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á CỔ - TRUNG ĐẠI (2 tín chỉ)

Lịch sử Đông Nam Á là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản đối với toàn bộ các vấn đề nổi bật của lịch sử Đông Nam Á, từ các khía cạnh điều kiện tự nhiên, sinh thái, nhân văn giai đoạn tiền, sơ sử đến quá trình hội nhập, phát triển của Đông Nam Á giai đoạn hiện đại. Đặc biệt, sinh viên rút ra được những đặc điểm, quy luật vận động, phát triển của lịch sử khu vực trong mối tương tác với lịch sử Việt Nam trong quá khứ, hiện tại, tương lai.

36. LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Lịch sử ngoại giao Việt Nam là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của ngoại giao cũng như những sự kiện, nhân vật ngoại giao Việt Nam từ khi Nhà nước phong kiến độc lập ra đời cho đến năm 2000. Trên cơ sở đó người học sẽ hiểu được bản chất của ngoại giao.

Học phần này có quan hệ mật thiết với các học phần Lịch sử Việt Nam từ trung đại đến hiện đại, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về một khía cạnh của lịch sử Việt Nam.

37. LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ (3 tín chỉ)

Lịch sử quan hệ quốc tế là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lí luận và sự biến động của quan hệ quốc tế bao gồm: hệ thống lí luận và các lí thuyết nghiên cứu quan hệ quốc tế; quá trình hình thành và phát triển quan hệ quốc tế qua các thời kì lịch sử. Học phần Lịch sử quan hệ quốc tế có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần bắt buộc của lịch sử thế giới cổ trung đại, cận đại và hiện đại khi giúp người học hiểu sâu sắc về mối quan hệ giữa các quốc gia trải qua nhiều thời kì lịch sử khác nhau.

38. THỰC TẾ LỊCH SỬ VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần Thực tế lịch sử Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm các nội dung sau:

- Thực tế chuyên môn lịch sử Việt Nam cổ - trung đại: thông qua các hoạt động thực tế tại: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Di tích Cổ đô Hoa Lư (Ninh Bình), Cổ đô Huế, Phố cổ Hội An, Bảo tàng Chàm (Thành phố Đà Nẵng);

- Thực tế chuyên môn Lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại: Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Di tích Pác Bó (Cao Bằng), Di tích An Toàn Khu - ATK (Định Hóa, Thái Nguyên), Di tích Tân Trào (Tuyên Quang), Di tích Thành cổ Quảng Trị, Địa đạo Vĩnh Mốc (Quảng Trị), Nghĩa trang Trường Sơn, Ngã ba Đồng Lộc, Cố đô Huế.

Học phần giúp người học có những trải nghiệm thực tế, qua đó nắm vững và khắc sâu kiến thức chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

39. LÝ LUẬN DẠY HỌC LỊCH SỬ (2 tín chỉ)

Lý luận dạy học Lịch sử là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Học phần đề cập trọng tâm tới các vấn đề: Nhận thức được các khái niệm cơ bản; Trình bày được nguyên tắc xây dựng chương trình và những nội dung cơ bản của chương trình môn Lịch sử ở trường trung học hiện nay; Mục tiêu môn Lịch sử ở trường phổ thông; Vai trò và cấu tạo của sách giáo khoa Lịch sử hiện hành; Chức năng giáo dục của bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông; Các biện pháp hình thành tri thức lịch sử cho học sinh; Nội dung và biện pháp sư phạm phát triển năng lực nhận thức và thực hành trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

Mối quan hệ với các học phần khác: Học phần Lý luận dạy học Lịch sử là cơ sở, tiền đề để sinh viên tiếp cận hệ thống các phương pháp dạy học Lịch sử và các hình thức kiểm tra đánh giá.

40. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LỊCH SỬ VÀ GIÁO DỤC LỊCH SỬ (2 tín chỉ)

Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và giáo dục Lịch sử là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Học phần được thiết kế với thời lượng 2 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản, bước đầu thực hiện các loại hình nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục như bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo khoa học, bài báo khoa học. Học phần sẽ được thực hiện dưới hình thức đan xen các phần lý thuyết và thực hành, trong đó hoạt động thực hành chiếm phần lớn thời lượng học phần và dưới các hình thức khác nhau như cá nhân, nhóm, seminar...

41. HỆ THỐNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC (4 tín chỉ)

Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị kiến thức trọng tâm về: Hệ thống khái niệm và quy trình triển khai các phương pháp khác nhau trong dạy học Lịch sử ở

trường trung học; Các yếu tố chi phối việc lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với đặc trưng học phần; Các biện pháp hướng dẫn học sinh phương pháp học môn Lịch sử. Ngoài ra, trên cơ sở những kiến thức được cập nhật thường xuyên, học phần giúp sinh viên tiếp cận với những quan điểm dạy học hiện đại, những phương pháp dạy học tích cực phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục hiện nay. Đặc biệt để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, học phần tập trung vào phần thực hành: thực hành dạy học sử dụng hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học (có sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật hiện đại); đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên.

42. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC (3 tín chỉ)

Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Học phần đề cập trọng tâm tới các vấn đề: Hệ thống khái niệm, quy trình triển khai và vị trí, vai trò của các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học (dạy học trên lớp, dạy học ngoài lớp và hoạt động ngoại khóa); Các tiêu chí phân loại và đặc điểm của từng loại bài học trong môn Lịch sử; Các biện pháp hướng dẫn học sinh học môn Lịch sử phù hợp với loại bài. Ngoài ra, trên cơ sở những kiến thức được cập nhật thường xuyên, học phần giúp sinh viên tiếp cận với những quan điểm dạy học hiện đại, những phương pháp dạy học tích cực phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục hiện nay. Đặc biệt để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, học phần tập trung vào phần thực hành: tổ chức triển khai bài học Lịch sử ở trên lớp, ngoài lớp và hoạt động ngoại khóa cho học sinh ở trường trung học (có sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật hiện đại); đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên.

43.1. CHẾ ĐỘ RUỘNG ĐẤT TRONG LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI (2 tín chỉ)

Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam là một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về chính sách ruộng đất của các chính quyền Nhà nước và tình hình ruộng đất ở Việt Nam qua các thời kì dựng nước và giữ nước đầu tiên, thời kì Bắc thuộc, thời kì phong kiến độc lập. Những kiến thức đó giúp người học nắm rõ và lí giải được nhiều nội dung, vấn đề của lịch sử; hiểu biết sâu sắc hơn về diễn tiến của các hình thái kinh tế - xã hội; đồng thời là cơ sở khoa học góp phần giải quyết những vấn đề về ruộng đất, nông dân, nông nghiệp hiện nay.

Học phần là sự cụ thể hóa kiến thức về chính sách phát triển kinh tế của các triều đại phong kiến Việt Nam trong môn Lịch sử Việt Nam cổ trung đại.

43.2. LÀNG XÃ VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Làng xã Việt Nam là một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản về các khái niệm liên quan tới làng xã, quá trình hình thành và biến đổi của làng xã Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. Thông qua đó, người học hiểu được các đặc trưng cơ bản nhất về kết cấu kinh tế, tổ chức xã hội và đời sống văn hóa của làng xã Việt Nam cũng như thấy được mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa lịch sử của làng xã với lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Học phần cũng có mối liên hệ gần gũi, bổ trợ kiến thức qua lại cho các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn như: Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam, Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945), Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam.

44.1. CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM THỜI THUỘC ĐỊA (1858 - 1945) (2 tín chỉ)

Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945) là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và toàn diện về sự biến đổi của cơ cấu kinh tế - xã hội của Việt Nam thời cận đại (1858 - 1945). Học phần này chủ yếu tập trung giúp người học nhận thức một số vấn đề cơ bản: Những yếu tố tác động đến biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam; Khái quát quá trình biến đổi cơ cấu kinh tế trên các khía cạnh chủ yếu là cơ cấu ngành kinh tế - kỹ thuật; Khái quát quá trình biến đổi cơ cấu xã hội trên phương diện chính là cơ cấu giai cấp. Trên cơ sở đó, người học đánh giá sự biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam (1858 - 1945) đối với lịch sử cận đại Việt Nam nói chung.

44.2. CÁC KHUYNH HƯỚNG TƯ TƯỞNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở VIỆT NAM THỜI CẬN ĐẠI (2 tín chỉ)

Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại là một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học được trang bị kiến thức về ba khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại gồm khuynh hướng phong kiến, khuynh hướng dân chủ tư sản và khuynh hướng vô sản. Trên cơ sở đó giúp người học có những nhận thức đúng đắn về đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như công lao của Đảng đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Học phần này có quan hệ chặt chẽ với học phần Lịch sử Việt Nam cận đại, là sự cụ thể hóa và sâu chuỗi nội dung kiến thức theo mạch vấn đề.

45.1. CÁC PHONG TRÀO DUY TÂN, CẢI CÁCH Ở CHÂU Á THẾ KỈ XIX

- XX (2 tín chỉ)

Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức lí luận và thực tiễn về các phong trào duy tân cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX bao gồm: Hệ thống khái niệm; Hoàn cảnh lịch sử đã làm nảy sinh các yêu cầu cải cách; Nội dung, kết quả, ý nghĩa, tác động của các phong trào duy tân, cải cách. Từ đó, người học sẽ rút ra những kinh nghiệm, bài học cho công cuộc cải cách, đổi mới đang tiến hành ở Việt Nam và sự phát triển bản thân. Học phần giúp cho người học hiểu sâu sắc hơn nội dung của các học phần lịch sử thế giới thời kì cận đại và hiện đại.

45.2. MỘT SỐ TÔN GIÁO LỚN TRÊN THẾ GIỚI (2 tín chỉ)

Một số tôn giáo lớn trên thế giới là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học không chỉ được trang bị những kiến thức lí luận về tôn giáo mà còn có được sự hiểu biết toàn diện về sự ra đời và phát triển của ba tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay là Kitô giáo, Phật giáo và Hồi giáo. Đặc biệt, người học sẽ đánh giá được về vai trò, xu thế trong đời sống tôn giáo của Việt Nam và thế giới hiện nay. Học phần tập trung vào một lĩnh vực cụ thể của lịch sử là tôn giáo nên sẽ giúp cho người học có sự hiểu biết sâu sắc hơn về nội dung trong các học phần bắt buộc của lịch sử thế giới từ cổ trung đại đến cận, hiện đại.

46. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống những hiểu biết về người giáo viên phổ thông như: vai trò, vị trí, đặc trưng, tính chất, phẩm chất, đạo đức nghề, năng lực, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành rèn luyện những kĩ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt vai trò người giáo viên phổ thông như: kĩ năng giao tiếp sư phạm, kĩ năng tổ chức và kết nối các lực lượng trong tổ chức các hoạt động cộng đồng, kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề, kĩ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, công tác chủ nhiệm lớp, kĩ năng tổ chức hướng dẫn thực hiện nghi thức Đội và các hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh; trang bị cho người học các phương pháp tổ chức quá trình dạy học, giáo dục học sinh, phương pháp giải quyết các tình huống xảy ra trong hoạt động sư phạm, gắn lí luận với thực tiễn... Trên cơ sở đó, học phần góp phần bồi dưỡng thái độ nghiệp vụ cần thiết của người giáo viên như: yêu trẻ, yêu nghề, linh hoạt, sáng tạo trong các tình huống giao tiếp sư phạm, trong xử lí tình huống sư phạm...

47. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 2 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học hệ thống những kiến thức và tổ chức thực hành rèn những kỹ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học trong nhà trường, bao gồm kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài học, kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học, kỹ năng tổ chức quản lý lớp học, kỹ năng kiểm tra đánh giá học sinh. Đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành thuyết trình, viết bảng, xây dựng môi trường học tập. Góp phần bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên, như: yêu trẻ, yêu nghề, sự linh hoạt, sáng tạo và kỷ luật trong tổ chức hoạt động dạy học...

48. THỰC TẬP SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần nhằm nhằm gắn lý thuyết với thực hành, lý luận với thực tiễn trong quá trình đào tạo giáo viên, gắn chặt hơn nữa nơi đào tạo và nơi sử dụng giáo viên. củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng đã được học trong các lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy và giáo dục học sinh.

49. THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 (6 tín chỉ)

Học phần nhằm củng cố và nâng cao các kiến thức lý thuyết Tâm lý - Giáo dục, vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; thực hành và vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Lịch sử, tiếp tục rèn luyện để hình thành năng lực và phẩm chất của người giáo viên, theo yêu cầu của các chương trình khung đào tạo giáo viên trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

50A. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (7 tín chỉ)

Trong học kỳ cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kỹ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

50B.1. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC (3 tín chỉ)

Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông theo hướng định hướng phát triển năng lực là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, chức năng của đánh giá năng lực trong giáo dục nói chung và trong hoạt động dạy - học nói riêng, đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu của học phần, bài học; xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực... làm cơ sở cho việc xây dựng một quy trình đánh giá kết quả học tập học phần một cách khách quan, khoa học và công bằng. Quy trình này giúp giáo viên và học sinh không những đánh giá, tự đánh giá kết quả của quá trình dạy học mà còn giúp thu thập các thông tin phản hồi hữu ích, giúp điều chỉnh quá trình dạy học để đạt mục tiêu dạy học phát triển năng lực một cách tốt nhất.

Ngoài ra, học phần tạo cơ hội cho sinh viên được thực hành các phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực.

Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành nghiệp vụ như: Lí luận dạy học Lịch sử; Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

50B.2. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC (2 tín chỉ)

Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử là học phần xương sống mang tính dẫn đường, cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử.

Cụ thể, học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến: Kỹ thuật triển khai dạy học hiệu quả (giới thiệu một số phương pháp dạy học hiện hành); Lập kế hoạch học phần, thiết kế bài giảng, soạn giáo án; Quan điểm, định hướng về công nghệ, phương tiện trong quá trình dạy học, một số ứng dụng công nghệ cụ thể trong dạy học.

50B.3. BÀI HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (2 tín chỉ)

Học phần góp phần củng cố và nâng cao nhận thức những vấn đề lí luận cơ bản về bài học Lịch sử (Khái niệm về bài học Lịch sử; cấu trúc bài học) cho sinh viên. Đồng thời giúp cho sinh viên nắm được thực tiễn dạy học Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay. Từ đó đi sâu nghiên cứu để hiểu sâu sắc khái niệm hiệu quả bài học Lịch sử và những biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả bài học Lịch sử (Lựa chọn nội dung khoa học, vừa sức học sinh; phát triển hoạt động nhận thức độc lập của học sinh, đặc biệt là tư duy độc lập; trình bày hình ảnh và gây xúc cảm lịch sử cho học sinh trong bài giảng của giáo viên;...). Trên cơ sở nắm vững những kiến thức cơ bản đó, người học vận dụng vào dạy học các bài Lịch sử cụ thể.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

9.1. Hướng dẫn thực hiện Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện tuân thủ Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Trường Đại học Hải Dương. Trong đó:

9.1.1. Tổ chức lớp học

Sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp ngành học và sau đó tham gia vào các lớp học phần:

- a) Lớp ngành học là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học và cùng ngành đào tạo. Mỗi lớp ngành học được bố trí một giảng viên làm cố vấn học tập.
- b) Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khoá biểu, và được tổ chức dựa trên đăng kí học tập của sinh viên ở từng học kì. Dựa vào dự báo và kết quả thực tế về số lượng sinh viên đăng kí học trong mỗi học kì, nhà trường có thể tổ chức nhiều lớp học (hoặc không tổ chức lớp học) cho một

học phần. Số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học được quy định phù hợp với tính chất của từng học phần và điều kiện thực tế của trường.

Khoa quản lý học phần có trách nhiệm chuyển danh sách sinh viên lớp học phần cho giảng viên giảng dạy học phần đó vào 2 thời điểm đầu học kì và sau khi có danh sách chính thức. Danh sách sinh viên chính thức của lớp học phần được chốt trong tuần thứ 6 của học kì chính và tuần thứ 3 của học kì phụ.

9.1.2. Đăng kí khối lượng học tập

a) Khối lượng học tập trong mỗi học kì

Khối lượng tối thiểu không ít hơn $\frac{2}{3}$ khối lượng trung bình một học kì theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá $\frac{3}{2}$ khối lượng trung bình một học kì theo kế hoạch học tập chuẩn.

b) Đăng kí học

Đầu mỗi năm học, nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho Chương trình đào tạo trong từng học kì, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, thời khóa biểu các lớp học, đề cương chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng kí học cho từng học phần, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

- Trước khi bắt đầu mỗi học kì, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng kí học các học phần dự định sẽ học trong học kì đó. Nhà trường tổ chức 3 đợt đăng kí học trong mỗi học kì; đăng kí sớm, đăng kí bình thường và đăng kí muộn. Đăng kí sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kì khoảng 1 tháng. Đăng kí bình thường được thực hiện khoảng 2 tuần trước thời điểm bắt đầu học kì. Đăng kí muộn được thực hiện trong khoảng 2 tuần lễ đầu của mỗi học kì hoặc trong tuần lễ đầu của học kì phụ cho những sinh viên muốn đăng kí học thêm hoặc đăng kí học đổi sang học phần khác khi không có lớp học. Riêng đối với học kì đầu tiên của khóa học, nhà trường tổ chức đăng kí học tập đồng loạt cho các lớp, ngành học, sinh viên có thể đăng kí học bổ sung học phần hoặc học vượt trước ở đợt đăng kí muộn nếu điều kiện cho phép.

- Việc đăng kí các học phần sẽ học cho từng học kì phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của Chương trình đào tạo.

c) Đăng kí học lại

- Trường hợp thứ nhất: Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng kí học lại học phần đó ở một trong các học kì tiếp sau cho đến khi đạt tối thiểu điểm D. Số lần học lại không hạn chế. Nếu học phần tương đương không còn mở lớp (do Chương trình đào tạo thay đổi), sinh viên phải đăng kí học lại và tích lũy các học phần thay thế theo danh mục đã được trường công bố chính thức. Danh mục học phần thay thế do Trường đơn vị đào tạo đề xuất và được Hiệu trưởng ra quyết định công bố chính thức.

- Trường hợp thứ hai: Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng kí học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

Đăng kí học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy: Ngoài hai trường hợp đăng kí học lại ở trên, sinh viên được phép đăng kí học lại hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần có điểm từ D để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Sinh viên học lại học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của nhà trường.

d) Rút bớt học phần đã đăng kí

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng kí đối với năm học có 2 học kì chính, được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kì chính và không muộn quá 5 tuần, sau 1 tuần kể từ đầu học kì phụ và không muộn quá 2 tuần; đối với năm học có 3 học kì chính, được thực hiện sau 1 tuần kể từ đầu học kì chính và không muộn quá 3 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng kí học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0.

9.1.3. Xếp hạng học lực và năm đào tạo

a) Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kì, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

- Theo thang điểm 4:

+ Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

+ Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

+ Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

+ Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

+ Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

+ Dưới 1,0: Kém.

- Theo thang điểm 10:

+ Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

+ Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

+ Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;

+ Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

+ Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

+ Dưới 4,0: Kém.

b) Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;

- Trình độ năm thứ hai: $M < N < 2M$;

- Trình độ năm thứ ba: $2M < N < 3M$;

- Trình độ năm thứ tư: $3M < N < 4M$;

- Trình độ năm thứ năm: $4M < N < 5M$.

9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng

9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kì rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần, thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kì đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 5 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

9.2.3. Công bố công khai chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật. Chương trình đào tạo (gồm mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lí, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

9.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kì kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.